

Bản án số: 16/2019/HS-ST

Ngày: 15-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Xuân Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Phú – Giáo viên.

Bà Lê Thị Xuân Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạo và ông Lê Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 08/2019/HS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/HSST-QĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

NGUYỄN ĐỨC ANH M, giới tính: Nam, sinh 02-12-1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; trú tại: Lê Văn Sỹ, Phường 12 – Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Lê Văn Sỹ, Phường 12 – Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Huệ X; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10-12-2015 đến ngày 11-5-2016 Tòa án nhân dân Quận 3 thay thế biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Lê Hồng Nguyên, Luật sư Văn phòng luật sư Hồng Nguyên & Associate, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Ông Huỳnh Phước Hiệp, Luật sư Công ty Luật TNHH Luật Kim, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

3. Ông Đào Kim Lân, Luật sư Công ty Luật TNHH An Thuận Phát, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

4. Ông Cao Thế Luận, Luật sư Công ty Luật TNHH Kao Kiến, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

5. Ông Nguyễn Đình Thuận, Luật sư Văn phòng luật sư Khánh Sơn, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

6. Ông Nguyễn Quốc Anh, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị hại: Phạm Ngọc Phương Y, sinh ngày 15-8-1999.

Trú tại: Huỳnh Tịnh Cửa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Trịnh Bá Thân, Luật sư Văn phòng luật sư Trịnh Bá Thân, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Huê X

Cùng trú tại: Lê Văn Sỹ, Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

2. Ông Phạm Văn Đ và bà Phan Bạc A

Cùng trú tại: Huỳnh Tịnh Cửa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

Người làm chứng: Phạm Ngọc P, sinh 1988

Trú tại: Huỳnh Tịnh Cửa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 15-11-2012, em Phạm Ngọc Phương Y (sinh ngày 15-8-1999) cùng với bạn học là Nguyễn Anh K đi bơi tại hồ bơi Kỳ Đồng thì gặp Nguyễn Đức Anh M, do muốn làm quen với Y nên M nhờ Nguyễn Anh K xin số điện thoại của Y. Sau khi có được số điện thoại của Y, M nhiều lần nhắn tin bằng số điện thoại 0926665319 để làm quen và rủ Y đi chơi. Vào ngày 20-11-2012, em Y đã nhận lời đi uống trà sữa cùng với M và K, từ đó giữa M và em Y phát sinh tình cảm. Đến ngày 24-02-2013, M nhắn tin cho Y rủ đi chơi thì được em Y nhận lời, M chở Y đến quán cà phê “Say” số 540/2 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11, Quận 3. Tại đây, M và Y vào quán đi lên trên tầng cao nhất và chọn phòng riêng (trong phòng có ghế có thể ngồi và nằm được) M và Y vào phòng được khoảng 20 phút, sau khi nhân viên phục vụ quán đem nước lên và ra khỏi phòng, M đứng dậy bấm chốt cửa phòng rồi dùng hai tay đặt lên vai và ôm hôn Y, sau đó M cởi hết nút áo của Y ra, lúc này Y kêu “đừng” thì M nói “không sao đâu” và cởi hết quần áo của Y ra, M mang bao cao su vào dương vật của M và thực hiện hành vi giao cấu với Y

được khoảng 10 phút xuất tinh. Sau đó khoảng 02 tuần, M tiếp tục chở Y đến quán cà phê “Say”, rồi thực hiện hành vi giao cấu với Y (lần thứ 2).

Đến khoảng cuối tháng 3-2013, M chở Y về nhà của M tại địa chỉ số Lê Văn Sỹ, Phường 12, Quận 3 và đưa em Y lên phòng ngủ ở lầu 1 rồi cởi hết quần áo của Y ra và thực hiện hành vi giao cấu với Y (lần thứ 3), do khi quan hệ M không dùng bao cao su nên trên đường đưa em Y về nhà, M đã ghé tiệm thuốc tây trên đường Lê Văn Sỹ, Quận 3 mua thuốc ngừa thai hiệu Meopristone cho Y uống. Khoảng hai tuần sau, khi em Y nghỉ học thêm buổi tối ở trường Lê Lợi, Quận 3 thì M tiếp tục đến chở Y về nhà M để thực hiện hành vi giao cấu (lần thứ 4). Đến ngày 26-4-2013, em Y nhắn tin cho Minh tới trước cổng trường trung học cơ sở Hai Bà Trưng, Quận 3 để đi uống nước, M đến đón Y và tiếp tục chở em Y đến quán cà phê “Say” số 540/2 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11, Quận 3 uống nước và thực hiện hành vi giao cấu với em Y (lần thứ 5).

Ngày 27-4-2013, chị Phạm Ngọc P (chị ruột của Y) phát hiện vỉ thuốc tránh thai Meopristone trong bàn học của em Y, sau nhiều lần chị P gắng hỏi thì Y đã kể toàn bộ sự việc bị M dụ dỗ nói yêu và sẽ cưới Y nên Y đã đồng ý cho M quan hệ tình dục và hai người đã quan hệ tình dục được 05 lần như trên. Chị P đã liên hệ được với M và hẹn gặp M tại quán cà phê Trung Nguyên tại góc ngã ba Trần Quốc Toản - Hai Bà Trưng, Quận 3 để nói chuyện thì M thừa nhận có quan hệ tình dục với Y nên chị P yêu cầu M chấm dứt quan hệ với Y.

Sau khi biết được sự việc, ông Phạm Văn Đ là cha ruột của em Y đã gọi điện thoại cho M để hỏi về việc M có quan hệ với Y không thì M thừa nhận có quan hệ tình dục với em Y nhiều lần tại nhà M và tại quán cà phê, trùng khớp như lời của em Y đã nói cho ông Đ nghe. Sau đó, ông Đ đến gặp gia đình M nói chuyện nhưng không thỏa thuận được nên ngày 07-5-2013, ông Phạm Văn Đ đến Công an Phường 12, Quận 3 trình báo sự việc, Công an Phường 12, Quận 3 đã tiếp nhận sự việc, lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 điều tra, xử lý.

Ngày 11-5-2013, gia đình của Nguyễn Đức Anh M cùng gia đình ông Phạm Văn Đ đến Công an Phường 12, Quận 3 và tự thỏa thuận bù đắp tinh thần cho em Y với số tiền 200.000.000 đồng, sau đó gia đình ông Đ đã nhận tiền và viết đơn bãi nại theo yêu cầu gia đình M.

Ngày 31-10-2013, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 đã tiến hành kiểm tra hiện trường, ghi nhận hiện trạng cấu trúc nhà nơi M thực hiện hành vi giao cấu với em Y tại địa chỉ nhà số Lê Văn Sỹ, Phường 12, Quận 3, theo sự chỉ điểm tự nguyện của M. Kết quả xác định tại căn phòng ngủ trên lầu là nơi M giao cấu với em Y hoàn toàn trùng khớp với lời mô tả của em Phạm Ngọc Phương My.

Ngày 12-6-2013, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 đã ra Quyết định trưng cầu giám định màng trinh đối với Phạm Ngọc Phương My. Theo Bản kết quả giám định pháp y số 112/TD.13 ngày 17-7-2013 của Trung tâm pháp y Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Màng trinh dẫn, rách cũ nông tại vị trí 9

giờ. Phết dịch âm đạo, nhuộm tinh trùng theo quy trình Christmas Tree Stain: Không thấy tinh trùng. Có tế bào người nam trong dịch âm đạo. Không lập được hồ sơ AND của nhiễm sắc thể Y. Ngày 02-11-2016, Trung tâm pháp y Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 137/TTPY-16 giải thích: “Có tế bào nam trong dịch âm đạo” nghĩa là có sự tiếp xúc của phần cơ thể người đàn ông (phái nam) như: Dương vật cương cứng, tinh dịch, tay, lưỡi ... vào âm đạo của Phạm Ngọc Phương My.

Ngày 02-01-2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 tiến hành thu mẫu giọng nói của Nguyễn Đức Anh M để trưng cầu so sánh với giọng nói trong đoạn ghi âm mà Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 thu giữ của ông Phạm Văn Đ. Tại Kết luận giám định số 307/C54(P2) ngày 10-3-2014 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an xác định như sau: “Tiếng nói của người đàn ông được gọi “M” trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Đức Anh M trong mẫu so sánh là do cùng một người nói”.

Sau khi có Kết luận giám định âm thanh, ngày 02-4-2014 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 đã tiến hành làm việc với Nguyễn Đức Anh M thì M đã khai nhận toàn bộ hành vi giao cấu với em Nguyễn Ngọc Phương Y như trên. Ngoài ra, M khai những bản ghi lời khai trước đây là không đúng sự thật. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 đã yêu cầu M chỉ điểm nơi thực hiện hành vi giao cấu với em Y và M đã chỉ dẫn đến quán cà phê “Say” tại địa chỉ số 540/2 Cách Mạng Tháng 8, Phường 11, Quận 3 và tại nhà số 443/45F Lê Văn Sỹ, Phường 12 – Quận 3.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 tiếp tục trưng cầu giám định Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an về nội dung cuộc nói chuyện giữa Nguyễn Đức Anh M và ông Phạm Văn Đ được chuyển thành văn bản giấy. Tại Bản kết luận giám định số 2591/C54(P6) ngày 15-6-2016 của Viện Khoa học Hình Sự - Bộ Công an kết luận: Nội dung ghi âm trong file; “M - D.wav” (thời lượng 5 phút 25 giây) trong mẫu giám định đã được chuyển thành văn bản (có bản dịch nội dung File ghi âm gửi giám định gồm 05 trang A4).

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 tiếp tục thu giữ chiếc điện thoại di động hiệu K-Touch T102, số Imei: 354467015165742; Imei: 354467015165759; Imei 354467015165767 của ông Phạm Văn Đ và tiến hành kiểm tra nội dung, thông tin trong điện thoại di động và có ghi phần quản lý tài liệu, vào phần thẻ nhớ và vào mục Audio, có 01 tệp: Tên tệp Cal-01-0507-150553. WAV, ngày 2013.05.07, giờ: 15:5, kích thước: 1289.247K, vị trí: Thẻ nhớ (có biên bản kiểm tra nội dung tệp kèm theo gồm 04 trang giấy A4) và trưng cầu giám định Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an về nội dung cuộc nói chuyện giữa Nguyễn Đức Anh M và ông Phạm Văn Đ. Tại Bản kết luận giám định số 5622/C54(P6) ngày 16-02-2017 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an đã kết luận:

- Tiếng nói của người đàn ông được gọi là “M” trong mẫu giám định và tiếng nói của Nguyễn Đức Anh M trong mẫu so sánh là của cùng một người nói.

- Tiếng nói của người đàn ông xưng là “Ba của bé Y” trong mẫu giám định và tiếng nói của ông Phạm Văn Đ trong mẫu so sánh là của cùng một người nói.

- Không phát hiện được dấu hiệu cắt ghép chỉnh sửa trong tập tin Cal-010507-150553. WAV.

- Nội dung file Cal-01-0507-150553. WAV đã được dịch thành văn bản gồm 03 (ba) trang A4.

Ngày 17-7-2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 tiếp tục trưng cầu giám định Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an về nội dung cuộc nói chuyện giữa Nguyễn Đức Anh M và ông Phạm Văn Đ được chuyển thành văn bản giấy. Theo Bản kết luận giám định số 3723/C54 (P6) ngày 31-7-2017 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an kết luận: Nội dung file “Cal-01-0507-150553. WAV” thời lượng 05 phút 25 giây trong mẫu cần giám định đã được dịch thành văn bản gồm 06 trang A4. Ký hiệu “M” trong bản dịch là nội dung tiếng nói của Nguyễn Đức Anh M và ký hiệu “Đ” trong bản dịch là tiếng nói của người gọi là “chú” và xưng là “Ba của bé Y” được xác định qua giọng nói.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 đã tiến hành xác minh tại công ty viễn thông thì được biết: Số điện thoại 0926665319 là do Nguyễn Đức Anh M đứng tên thuê bao. Qua kiểm tra danh sách gọi đi, gọi đến có ghi nhận: Ngày 07-5-2013 vào lúc 15 giờ 01 phút 21 giây có cuộc gọi từ số 01278972741 của ông Phạm Văn Đ đến số 0926665319 là của Nguyễn Đức Anh M.

Ngày 20-01-2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 có Quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với Nguyễn Đức Anh M theo đơn đề nghị của gia đình bị can M. Tại Bản kết luận số 483/2016/KLGĐTC ngày 24-3-2016 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tp. Hồ Chí Minh kết luận: Bị can M hiện tại tâm thần bình thường; trước, trong và sau khi thực hiện hành phạm tội có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Quá trình điều tra, mặc dù Nguyễn Đức Anh M phủ nhận lời khai ban đầu, không thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên qua lời khai của em Phạm Ngọc Phương Y phù hợp kết quả kiểm tra hiện trường, lời khai của bị can M vào ngày 02-4-2014 được thực hiện khách quan, không bị ép buộc hay bị ép cung nhục hình, kết luận giám định giọng nói, kết quả trả lời xác minh nhật ký điện thoại số thuê bao 01278972741 của ông Đ đã gọi vào số điện thoại thuê bao 0926665319 của M, việc tự nguyện thỏa thuận bù đắp tinh thần cho em Y với số tiền 200.000.000 đồng có sự chứng kiến của Công an Phường 12, Quận 3 đã có đủ cơ sở xác định bị can M đã có hành vi giao cấu với em Phạm Ngọc Phương Y như đã nêu trên.

Vật chứng của vụ án:

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu K-Touch T102, số Imei: 354467015165742; Imei: 354467015165759; Imei: 354467015165767, bên trong có một thẻ nhớ có số seri 3200608216.

- 03 đĩa CD có chứa nội dung file ghi âm được đựng trong phong bì trắng có đóng dấu niêm phong của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3.

Bản Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 30-11-2017 Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức Anh Minh về tội “Giao cấu với trẻ em” theo điểm a khoản 2 Điều 115 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, mặc dù bị cáo Nguyễn Đức Anh M không thừa nhận hành vi giao cấu với trẻ em. Tuy nhiên căn cứ lời khai của người bị hại; lời khai của bị cáo M vào ngày 02-4-2014; việc tự nguyện thỏa thuận bù đắp tinh thần cho bị hại với số tiền là 200.000.000 đồng cùng với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã có đủ cơ sở xác định bị cáo M đã thực hiện hành vi phạm tội theo như bản Cáo trạng đã truy tố; do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Đức Anh M về tội “Giao cấu với trẻ em”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 05 năm tù. Về hậu quả của vụ án, ông Đ, bà X đã nhận tiền bồi thường và không có ý kiến gì thêm. Về xử lý vật chứng, giao trả một ĐTDĐ hiệu K-Touch T102 cho ông Phạm Văn Đ.

Bị cáo Nguyễn Đức Anh M đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và có một bản án công minh cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Mặc dù tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Đức Anh M không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên căn cứ lời khai của người bị hại, bảng tường trình và lời khai nhận ban đầu của bị cáo vào ngày 02-4-2014, bản Kết luận giám định số 3723/C54(P6) ngày 31-7-2017 và số 4959/C09-P6 ngày 15-10-2018 của Viện Khoa học Hình sự – Bộ Công an; bản cung cấp thông tin của Công ty viễn thông; việc thỏa thuận bồi thường số tiền 200.000.000 đồng cho bị hại; bản Kết luận giám định Pháp y số 112/TD.13 ngày 17-7-2013 và văn bản số 137/TTPY.GT-16 ngày 02-11-2016 của Trung tâm Pháp y - Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đầy đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Đức Anh M là thanh niên đã trưởng thành, mặc dù biết rõ Phạm Ngọc Phương Y là trẻ em chưa đủ 15 tuổi nhưng đã nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với Phạm Ngọc Phương Y là bị cáo đã phạm tội “Giao cấu với trẻ em” trong trường hợp được qui định tại điểm a khoản 2 Điều 115 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 3, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ đã có sai sót trong việc kiểm tra hiện trường nhưng lại dùng biên bản khám nghiệm hiện trường; tuy nhiên xét thấy sai sót này không làm ảnh hưởng đến bản chất cũng như sự thật khách quan của vụ án. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo M cho rằng đã bị ép cung nên mới nhận tội trong bảng tường trình, biên bản lấy khai ngày 02-4-2014. Xét thấy tại các biên bản ngày 19-6-2013 và ngày 31-10-2013 bị cáo không thừa nhận việc phạm tội, sau khi Cơ quan điều tra tiến hành thu thập chứng cứ và các tài liệu như thu thập giọng nói của bị cáo và ông Đ, ghi nhận hiện trường tại nhà bị cáo, quán “Say”, trưng cầu giám định cùng với việc gia đình hai bên thỏa thuận việc bù đắp tinh thần; sau đó bị cáo mới thừa nhận hành vi phạm tội của mình tại bảng tường trình cũng như biên bản lấy khai ngày 02-4-2014; hơn nữa tại thời điểm này bị cáo vẫn chưa bị khởi tố, chưa bị áp dụng biện pháp ngăn chặn nào, do vậy lời khai bị ép cung của bị cáo là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Bị cáo Nguyễn Đức Anh M hoàn toàn có đầy đủ nhận thức hiểu được em Y đang trong độ tuổi chưa đủ 15 tuổi là lứa tuổi đang dần hoàn thiện về mặt nhân cách, vì vậy nhận thức còn có phần hạn chế và M đã lợi dụng sự non nớt, nhẹ dạ của em Y để thực hiện hành vi giao cấu nhiều lần. Hành vi của bị cáo M là nguy hiểm cho xã hội, đáng bị lên án, không những xâm hại trực tiếp đến sự phát triển bình thường về thể chất và tâm sinh lý trẻ em, gây hậu quả xấu đối với tương lai của trẻ em mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra.

[4] Tuy nhiên cũng xét bị cáo phạm tội lần đầu; bản thân chưa có tiền án, tiền sự và việc phạm tội cũng có nguyên nhân từ hành vi thiếu suy nghĩ của người bị hại; do đó áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115 và khoản 2 Điều 46 quy định khung hình phạt áp dụng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[5] Tại phiên tòa hôm nay các Luật sư bào chữa cho bị cáo M có ý kiến như sau: Khám nghiệm hiện trường mà không có Kiểm sát viên tham gia là không đúng quy định; khi tiến hành lấy lời khai của bị cáo không có Luật sư tham gia; trong file ghi âm không có từ nào là “giao cấu”; việc giám định mang trình không được tiến hành từ đầu; bị hại bị cha đánh rồi mới khai ra sự việc như vậy lời khai của bị hại không khách quan; do đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không phạm tội. Tuy nhiên qua phản ánh hồ sơ cũng như phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của các Luật sư là không có căn cứ do đó không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại có ý kiến như sau: Các file ghi âm, thẻ nhớ khi thu giữ đã được niêm phong và được giám định theo một quy trình chặt chẽ; việc giám định mang trình không phải là chứng cứ duy nhất; do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý bị cáo theo như bản Cáo trạng đã truy tố. Hội đồng xét xử nhận thấy lời bào chữa này là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về hậu quả của vụ án: Tại phiên tòa hôm nay ông Đ - bà A, là người đại diện hợp pháp cho người bị hại trình bày: Do trước đây trong quá trình điều tra ông T – bà X (cha mẹ ruột của bị cáo) đã bồi thường thiệt hại về tinh thần và thể chất cho người bị hại số tiền là 200.000.000 đồng; nay ông, bà không có yêu cầu gì thêm do đó tòa miễn xét.

[8] Về phía ông T – bà X (cha mẹ ruột của bị cáo) trình bày: Việc gia đình đưa tiền là do bị gia đình bị hại đe dọa và nay yêu cầu lấy lại số tiền đó. Hội đồng xét xử nhận thấy, ông T – bà X đưa số tiền 200.000.000 đồng cho gia đình bị hại xảy ra trước khi vụ án được khởi tố; việc giao tiền được thực hiện với hình thức ông T – bà X dùng tiền mặt gửi vào tài khoản của mình sau đó mới chuyển vào tài khoản của gia đình bị hại và ông Đ – bà A đã làm đơn bãi nại; do vậy xét thấy việc giao tiền này là hoàn toàn tự nguyện nên không chấp nhận yêu cầu của ông T – bà X.

[9] Về vật chứng của vụ án: 01 ĐTDĐ hiệu K-Touch là của ông Đ nên giao trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 115; khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH3 ngày 25-11-2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Phạt bị cáo Nguyễn Đức Anh M 04 (bốn) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt chấp hành án; nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 10 tháng 12 năm 2015 đến ngày 11 tháng 5 năm 2016.

Giao trả cho ông Phạm Văn Đ 01 chiếc điện thoại di động hiệu K-Touch T102, số Imei: 354467015165742; Imei: 354467015165759; Imei: 354467015165767, bên trong có 01 thẻ nhớ.

(Tài sản giao trả theo phiếu nhập vật chứng số 31/PNK ngày 09-3-2017 của Công an Quận 3).

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q.3, TP. HCM;
- PC53 - CA TP. HCM;
- Công an Quận 3;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Chi cục THA Dân sự Quận 3;
- UBND Phường 12, Q. 3, Tp. HCM;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu VP, Hồ sơ vụ án.

Vương Xuân Đức